TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2023/HS-ST
Ngày: 06-6-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ngô Nguyễn Minh Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tấn Hưng

2. Ông Nguyễn Văn Bắc

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Đinh Thị Khuyến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa*:** Ông Võ Thế Duẩn - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 21/2023/TLST-HS ngày 27 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2023/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 5 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Bùi Văn T**, sinh năm 1993, tại Bình Dương. Nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn T, sinh năm 1965 và bà Trần Thị E, sinh năm 1962; bị cáo có 04 anh em, lớn nhất sinh năm 1985, nhỏ nhất sinh năm 1994; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* Bị hại: Ông Đỗ Minh T, sinh ngày 16/12/2005; địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của ông T:

1. Bà Vũ Thị T1, sinh năm 1984; địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương (Là mẹ của bị hại). Vắng mặt.

2. Ông Đỗ Tuấn T2, sinh năm 1979; địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương (là cha của bị hại). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Võ Văn S, sinh năm 1995; địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin xét xử vắng mặt

2. Ông Trương Văn V, sinh năm 1979; địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện D, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 13/10/2022, Võ Văn S, sinh năm 1995, ngụ tại ấp C, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương điều khiển xe máy cày chở theo Bùi Văn T đến Garage "T" thuộc Ấp H, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương để sửa chữa xe mày cày. Tại đây, T nhìn thấy điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro 64 GB, màu đen của Đỗ Minh T, sinh ngày 16/12/2005, ngụ tại Ấp H, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương (là công nhân gara) đang sạc pin để trên xe mô tô trong Garage "T" không ai trông coi, nên T nảy sinh ý định lấy trộm để bán lấy tiền tiêu xài. Thực hiện ý định, T quan sát xung quanh không thấy ai chú ý nên đã lén lút lấy trộm điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro 64 GB màu đen của T rồi đem giấu trên xe máy cày để tránh bị phát hiện rồi quay lại trong gara. Sau khi sửa xong xe máy cày, S điều khiển xe máy cày chở T đi về thì T phát hiện bị mất điện thoại nên kiểm tra camera thì thấy T có đi đến nơi sạc điện thoại nên T chạy xe mô tô đuổi theo xe máy cày của S và T yêu cầu T trả lại điện thoại nhưng T không thừa nhận lấy trộm điện thoại của T, lục soát người T nhưng không tìm thấy điện thoại nên sau đó T đã đến trình báo cơ quan Công an.

Sau khi trộm điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro 64 GB, màu đen của T đến ngày 14/10/2022, T đem đến cửa hàng điện thoại (không có bảng hiệu) tại Ấp T, xã A, huyện D do Trương Văn V, sinh năm 1979, làm chủ để bán, do điện thoại không mở khóa được nên V chỉ mua lại xác điện thoại với giá 520.000 đồng (khi bán T không nói là điện thoại trộm được). Sau khi bán điện thoại thì T lấy tiền tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 15/10/2022, S nói cho Hồ Văn S1, sinh năm 1993, ngụ ấp C, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương (là bạn của S) biết sự việc bị T nghi ngờ lấy trộm điện thoại. Lúc này, S1 biết việc T có đi bán điện thoại nên đã báo cho Công an xã T2 An biết, Công an xã T2 An đã mời T đến làm việc và T đã khai nhận hành vi Trộm cắp tài sản của T. Cùng ngày 15/10/2022, S đến gặp Trương Văn V chuộc lại điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro 64 GB màu đen và giao trả cho T.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 39/KL-HĐĐG, ngày 07/12/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Dầu Tiếng kết luận: Tài sản 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro 64 GB, màu đen, số Serial Number: C39ZMVVLN6XM đã qua sử dụng thiệt hại vào ngày 13/10/2022 trị giá là: 6.750.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 26/CT-VKSDT-HS ngày 26/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo Bùi Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản". Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo T từ 08 (tám) đến 10 (mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16 (mười sáu) đến 20 (hai mươi) tháng.

Đối với hành vi của Trương Văn V, mua điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro 64 GB, màu đen, số Serial Number: C39ZMVVLN6XM do T trộm cắp có được, V không biết đây là tài sản do T phạm tội có được nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng không truy cứu Trách nhiệm hình sự đối với V về hành vi Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Đối với Võ Văn S bỏ ra 600.000 đồng để chuộc lại điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro 64 GB, màu đen từ Trương Văn V. Quá trình điều tra do S không yêu cầu T hoàn trả lại số tiền này nên không xem xét giải quyết.

Quá trình điều tra bị hại Đỗ Minh T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 10.000.000 đồng; tại đơn xin xét xử vắng mặt của bị hại xác định không yêu cầu bị cáo bồi thường. Đây là ý kiến tự nguyện của bị hại T phù hợp với quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét ghi nhận.

Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để có điều kiện cải tạo thành người công dân tốt. Tại đơn xin xét xử vắng mặt, bị hại có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng và Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng hình sự quy định, không bị ai khiếu nại gì về việc tiến hành các hoạt động tố tụng, thu thập chứng cứ đối với vụ án nên toàn bộ hoạt động tố tụng, thu thập chứng cứ có trong hồ sơ đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, cụ thể:

Lúc 08 giờ 30 phút ngày 13/10/2022, tại Garage "T" thuộc Ấp H, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương, bị cáo đã thực hiện hành vi lén lút trộm cắp 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro 64 GB, màu đen, trị giá là: 6.750.000 đồng của

Đỗ Minh T. Hành vi mà bị cáo thực hiện đã cấu thành tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Như vậy, Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương truy tố đối với bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi mà bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, bị cáo biết việc chiếm đoạt tài sản của bị hại là vi phạm pháp luật và phải chịu hình phạt theo quy định nhưng vì mục đích cá nhân, bị cáo vẫn bất chấp hậu quả thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý.

[4] Để đảm bảo công tác đấu tranh phòng chống tội phạm mà đặc biệt là các tội phạm xâm phạm sở hữu nên cần xử lý nghiêm hành vi của bị cáo với mức án tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tăng nặng trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của bị cáo đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời có tác dụng đấu tranh, phòng ngừa chung.

[4.1] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4.2] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo phạm tội gây thiệt hại không lớn, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là các tình tiết được quy định tại điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị hại có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên cần áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4.3] Nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng.

[5] Về hình phạt:

Về hình phạt chính: Như đã nhận định ở trên, bị cáo có nhân thân tốt và có nhiều tình tiết giảm nhẹ, ngoài lần phạm tội này bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân nơi cư trú; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, việc không bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên cần áp dụng Điều 65 cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách dài hơn để bị cáo có điều kiện tự cải tạo thành công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có công việc ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, truy tố bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại là 10.000.000 đồng do điện thoại không còn sử dụng được; đến trước phiên tòa, tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 05/6/2023, bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường. Đây là sự tự

nguyện của bị hại và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với Võ Văn S bỏ ra 600.000 đồng để chuộc lại điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro 64 GB, màu đen từ Trương Văn V. Quá trình điều tra do S không yêu cầu T hoàn trả lại số tiền này nên không xem xét giải quyết.

Đối với hành vi của Trương Văn V, mua điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro 64 GB, màu đen, số Serial Number: C39ZMVVLN6XM do T trộm cắp có được, V không biết đây là tài sản do T phạm tội có được nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng không truy cứu Trách nhiệm hình sự đối với V về hành vi Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là đúng quy định.

[7] Xét ý kiến luận tội của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa đối với bị cáo về phần tội danh, điều khoản truy tố và mức hình phạt là có căn cứ phù hợp với các tình tiết của vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Bùi Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1, Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 02/2018/NĐ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số 01/2022/NĐ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn T 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 16 (mười sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo về cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 06/6/2023). Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CQ CSĐT Công an H. Dầu Tiếng;
- CCTHA H. Dầu Tiếng;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Phòng PV06 CA tỉnh Bình Dương;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Nguyễn Minh Sơn